TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/**2025/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quan Văn Ngụ
Ông Lương Quang Toán

- Thư ký phiên toà: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/TLST-HS, ngày 10/9/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS, ngày 12/9/2025 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 14/4/1969 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, Đảng ủy xã N, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đã bị khai trừ ra theo Quyết định số 02 – QĐ/UBKTĐU, ngày 09/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã N.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa).

2. **Mã Văn Tr**, sinh ngày 09/5/1973 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Mã Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, Đảng ủy xã N, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đã bị

khai trừ ra theo Quyết định số 03 – QĐ/UBKTĐU, ngày 09/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã N; Đại biểu Hội đồng nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang khóa XXII nhiệm kỳ 2021 – 2026. Đã bị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa XXII nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo Nghị quyết số 32/NQ – HĐND, ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân xã G.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa).

3. **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 20/4/1989 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Dương Thị N, sinh năm 1953; vợ: Hứa Thị L, sinh năm 1993; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, Đảng ủy xã N, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đã bị khai trừ ra theo Quyết định số 04 – QĐ/UBKTĐU, ngày 09/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã N.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa).

4. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 24/10/1972 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn F, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn Q và bà Ma Thị Y (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ – XPHC, ngày 25/4/2024 bị Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 6.500.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (đã chấp hành xong ngày 15/9/2025).

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh hoạt tại Chi bộ thôn F, Đảng ủy xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 02 – QĐ/UBKTĐU, ngày 18/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Y.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số 6 đường Chiến Thắng Sông Lô, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị hại:* Cộng đồng dân cư thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1982; chức vụ: Trưởng thôn (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang*)* có 18 hộ gia đình đủ điều kiện tham gia nhận khoán bảo vệ rừng với UBND xã G (nay sáp nhập thành xã N) theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020. Khoảng tháng 12 năm 2018, UBND xã G đã chi trả tiền khoán bảo vệ rừng với số tiền 173.228.000đ thông qua Nguyễn Văn B là Trưởng thôn C (theo Quyết định số 45/QĐ-UBND, ngày 01/10/2017 của UBND xã G) để thanh toán cho các hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng thuộc thôn C. Ngày 30/12/2018, thôn C tổ chức họp thôn, B nêu ý kiến trích 10% tổng số tiền được nhận cho các hộ tham gia tuần tra bảo vệ rừng, số tiền còn lại đưa vào quỹ thôn để chi cho hoạt động của thôn được mọi người trong thôn đồng ý. Cụ thể: số tiền 17.322.984đ, chia đều cho 19 hộ gia đình bao gồm: 18 hộ gia đình có ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng và Nguyễn Văn Q là Phó thôn kiêm Công an viên thôn C (theo Quyết định số 45/QĐ-UBND, ngày 01/10/2017 của UBND xã G) vì đã cùng thực hiện việc tuần tra, kiểm tra rừng. Mỗi hộ được nhận số tiền là 911.736đ. Số tiền còn lại 155.905.016đ đưa vào quỹ của thôn để phục vụ hoạt động chung của thôn và được người dân trong thôn đồng ý, thống nhất giao cho Nguyễn Văn B có trách nhiệm quản lý.

Khoảng 08 giờ, ngày 31/01/2019, Nguyễn Văn B cùng Mã Văn Tr là người giữ chức vụ Phó thôn kiêm Công an viên thôn C (theo Quyết định số 45/QĐ-UBND, ngày 01/10/2017 của UBND xã G) đi đến cửa hàng của Nguyễn Văn T tại thôn J, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang *(nay là thôn J, xã Y, tỉnh Tuyên Quang)* để hỏi mua các thiết bị điện tử phục vụ cho nhà văn hoá thôn C. B thoả thuận với T mua các thiết bị gồm: 01 Tivi loại màn hình 43 inch, nhãn hiệu ASANZO, giá bán 6.500.000đ; 01 bộ loa âm thanh (gồm 02 loa), nhãn hiệu JBL Consumer INC, giá bán 7.000.000đ; 01 Micro, loại có dây, nhãn hiệu Shunison SN-906, giá bán 400.000đ; 01 bộ Micro không dây (gồm 01 đầu thu micro không dây, nhãn hiệu SHURE U980 và 02 micro, loại không dây, nhãn hiệu SHURE), giá bán 1.500.000đ; 01 Vang cơ, nhãn hiệu JBL K9, giá bán 1.700.000đ; 01 cục đẩy (tăng âm), nhãn hiệu YAMAHA, loại P7000F, made in Indonesia, giá bán 6.500.000đô; 01 đầu Karaoke Android imusic PlayBox HD7, made in Việt Nam, giá bán 1.400.000đ, tổng giá trị là 25.000.000đ.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn B gọi Nguyễn Văn Q và con trai là anh Nguyễn Văn V đến cửa hàng của Nguyễn Văn T để chở các thiết bị trên về nhà văn hóa thôn C lắp đặt. Khi vận chuyển thiết bị về thì T đi cùng để lắp đặt và kiểm tra lại các thiết bị. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi lắp đặt xong, B mời T, Tr, Q về nhà B ăn cơm. Trong lúc uống nước, B nảy sinh ý định nâng giá các thiết bị vừa mua của Tương để chiếm đoạt số tiền chênh lệch. B rủ Q và Tr cùng thực hiện hành vi được Q và Tr đồng ý. Quá trình bàn bạc nâng giá trị thiết bị lên thì T cùng có mặt và biết được nội dung bàn bạc của B, Q, Tr. Sau đó, B bảo T giúp kê nâng giá trị thanh toán các thiết bị điện tử đã mua với T cao hơn giá thực tế từ 25.000.000đ lên thành 40.000.000đ và được T đồng ý. Tiếp đó, Tr

đưa cho T một tờ giấy có dòng kẻ và một bút bi, rồi T tự viết nâng giá trị tiền từng mặt hàng vào tờ giấy, nâng tổng giá trị hàng hóa thực tế từ 25.000.000đ lên thành 40.000.000đ. cụ thể: 01 tivi loại màn hình 43 inch, nhãn hiệu ASANZO, kê nâng lên thành 7.000.000đ; 01 bộ loa âm thanh (gồm 02 loa), nhãn hiệu JBL Consumer INC, kê nâng lên thành 10.000.000đ; 01 micro, loại có dây, nhãn hiệu shunison SN-906, kê nâng lên thành 1.200.000đ; 01 bộ micro không dây (gồm 01 đầu thu micro không dây, nhãn hiệu SHURE U980 và 02 micro, loại không dây, nhãn hiệu SHURE), kê nâng lên thành 4.200.000đ; 01 Vang cơ, nhãn hiệu JBL K9, kê nâng lên thành 5.000.000đ; 01 cục đẩy (tăng âm), nhãn hiệu YAMAHA, loại P7000F, made in Indonesia, kê nâng lên thành 9.000.000đ; 01 đầu Karaoke Android imusic PlayBox HD7, made in Việt Nam, kê nâng lên thành 3.600.000đ. Sau khi T viết xong thì Tr cầm tờ giấy T vừa kê để chép lại vào sổ tay (bìa màu đen, bên ngoài sổ có in chữ "Century") của B, rồi B đưa cho T ký tên xác nhận vào quyển sổ, sau đó B thanh toán cho T số tiền 25.000.000đ theo giá trị thực tế đã bán từ nguồn tiền quỹ của thôn để phục vụ hoạt động chung của thôn do B được giao quản lý.

Sáng ngày 01/02/2019, B chia cho Q và Tr mỗi người 5.000.000đ, còn lại 5.000.000đ B sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Số tiền quỹ của thôn còn lại sau khi mua thiết bị âm thanh cho nhà văn hóa đã sử dụng để tu sửa nhà văn hóa thôn và mua sắm các thiết bị, đồ đạc khác phục vụ cho hoạt động của nhà văn hóa và bàn giao lại số tiền còn lại cho Trưởng thôn mới.

Ngày 17/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang nhận được tố giác của ông Nguyễn Văn K sinh năm 1966, trú tại thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi Nguyễn Văn B nâng khống giá thiết bị nhà văn hóa để chiếm đoạt 15.000.000đ.

Tại bản Kết luận giám định số 315/KL-KTHS, ngày 20/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đối với chữ ký chữ viết của Mã Văn Tr, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T trong quyển sổ của Nguyễn Văn B, kết luận:

- Mẫu cần giám định không có dấu hiệu bị tẩy xoá, chỉnh sửa, ghi đè.

- Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết ghi tên Mã Văn Tr trên mẫu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B dưới mục "Người nhận tiền", "Người giao tiền") với chữ viết, chữ ký đứng tên Mã Văn Tr trên mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là do cùng một người viết và ký.

- Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Văn B dưới mục "Người giao tiền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn B trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký.

- Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Văn T dưới mục "Người nhận tiền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết và ký.

Tại bản Kết luận giám định số 555/KL-KTHS, ngày 21/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đối với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên tờ giấy Tương viết kê giá thiết bị, kết luận:

Chữ viết, chữ số, chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT – VKSKV3, ngày 09/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T về tội "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T theo tội danh, điều luật đã nêu trong Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T phạm tội "*Tham ô tài sản*".

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng đến 02 (*Hai*) năm 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (*Năm*) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn từ 02 (*Hai*) năm đến 03 (*Ba*) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo từ 02 (*Hai*) năm 03 (*Ba*) tháng đến 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng đến 05 (*Năm*) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Cấm các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn từ 02 (*Hai*) năm đến 03 (*Ba*) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q cho UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 (*Hai*) năm đến 02 (*Hai*) năm 03 (*Ba*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 04 (*Bốn*) năm đến 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn từ 02 (*Hai*) năm đến 03 (*Ba*) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q có trách nhiệm liên đới bồi thường cho cộng đồng dân cư thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang số tiền 15.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

- Về vật chứng Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 quyển sổ, bìa màu đen, bên ngoài sổ có in chữ "Century" thu giữ của Nguyễn Văn B (đang lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

+ Trả lại cho cộng đồng dân cư thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, đồng thời tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q khai nhận: Các bị cáo được cộng đồng dân cư thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang) bầu, được UBND xã G (nay là xã N) phê chuẩn kết quả bầu cử chức vụ Trưởng, Phó thôn kiêm nhiệm kỳ 2017 – 2020. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn B giữ chức vụ Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn, các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q giữ chức vụ Phó thôn kiêm công an viên. Tháng 12/2018, UBND xã G (nay là xã N) chi trả 173.228.000đ tiền khoán bảo vệ rừng năm 2018 cho 18 hộ tham gia nhận khoán bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ – CP, ngày 09/9/2015 của Chính phủ thông qua bị cáo Nguyễn Văn B (khi đó là Trưởng thôn) để thanh toán cho các hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng của thôn C. Qua họp thôn, người dân trong thôn nhất trí trích 10% tổng số tiền để chi trả cho 19 hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng, số tiền còn lại là 155.905.013đ được đưa vào quỹ của thôn để phục vụ hoạt động chung của thôn và giao cho bị cáo Nguyễn Văn B là Trưởng thôn Có trách nhiệm quản lý số tiền quỹ trên.

Ngày 31/01/2019, các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr đến cửa hàng kinh doanh đồ điện tử của bị cáo Nguyễn Văn T để đặt mua cho nhà văn hóa thôn C 01 Tivi loại màn hình 43 inch, nhãn hiệu ASANZO, giá bán 6.500.000đ; 01 bộ loa âm thanh (gồm 02 loa), nhãn hiệu JBL Consumer INC, giá bán 7.000.000đ; 01 Micro, loại có dây, nhãn hiệu Shunison SN-906, giá bán 400.000đ; 01 bộ Micro không dây (gồm 01 đầu thu micro không dây, nhãn hiệu SHURE U980 và 02 micro, loại không dây, nhãn hiệu SHURE), giá bán 1.500.000đ; 01 Vang cơ, nhãn hiệu JBL K9, giá bán 1.700.000đ; 01 cục đẩy (tăng âm), nhãn hiệu YAMAHA, loại P7000F, made in Indonesia, giá bán 6.500.000đô; 01 đầu Karaoke Android imusic PlayBox HD7, made in Việt Nam, giá bán 1.400.000đ, tổng giá trị là 25.000.000đ. Chiều ngày 31/01/2019, sau khi lắp đặt các thiết bị điện tử trên tại nhà văn hóa thôn C xong bị cáo B mời các bị cáo Tr, Q, T về nhà mình ăn cơm. Quá trình uống nước, bị cáo B đã bàn bạc với các bị cáo Tr, Q nhờ bị cáo T giúp kê nâng giá các thiết bị điện tử vừa mua của T từ 25.000.000đ lên thành 40.000.000đ để chiếm đoạt số tiền chênh lệch và được bị cáo T đồng ý. Sau khi bị cáo T viết kê nâng giá trị các thiết bị điện tử lên thành 40.000.000đ, bị cáo B đã sử dụng tiền quỹ của thôn thanh toán cho bị cáo T số tiền 25.000.000đ, số tiền chênh lệch 15.000.000đ các bị cáo đã chiếm đoạt, chia nhau mỗi người 5.000.000đ sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau đó sự việc bị phát giác, khởi tố mỗi bị cáo đã tự nguyện giao nộp 5.000.000đ tiền quỹ thôn mà mình chiếm đoạt cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đề

nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của các bị cáo đã gây ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Gia đình bị cáo có mở cửa hàng kinh doanh đồ điện tử tại thôn J, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn J, xã Y, tỉnh Tuyên Quang). Ngày 31/01/2019, các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr đến cửa hàng điện tử của bị cáo mua 01 Tivi loại màn hình 43 inch, nhãn hiệu ASANZO, với giá 6.500.000đ; 01 bộ loa âm thanh (gồm 02 loa), nhãn hiệu JBL Consumer INC, với giá 7.000.000đ; 01 Micro, loại có dây, nhãn hiệu Shunison SN-906, với giá 400.000đ; 01 bộ Micro không dây (gồm 01 đầu thu micro không dây, nhãn hiệu SHURE U980 và 02 micro, loại không dây, nhãn hiệu SHURE), với giá 1.500.000đ; 01 Vang cơ, nhãn hiệu JBL K9, với giá 1.700.000đô; 01 cục đẩy (tăng âm), nhãn hiệu YAMAHA, loại P7000F, made in Indonesia, với giá 6.500.000đ; 01 đầu Karaoke Android imusic PlayBox HD7, made in Việt Nam, với giá 1.400.000đ, tổng giá trị các thiết bị điện tử là 25.000.000đ để phục vụ cho hoạt động của nhà văn hóa thôn C do bị cáo Nguyễn Văn B làm Trưởng thôn. Chiều ngày 31/01/2019, bị cáo đến nhà văn hóa thôn C để lắp đặt và kiểm tra lại các thiết bị điện tử mà mình đã bán cho Bộ và Trường. Sau khi lắp đặt xong, bị cáo được bị cáo Nguyễn Văn B mời về nhà bị cáo B ăn cơm. Tại đây, bị cáo B đã nhờ bị cáo giúp kê nâng giá các thiết bị điện tử mà bị cáo bán từ 25.000.000đ lên thành 40.000.000đ. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bị cáo đã đồng ý kê nâng giá các thiết bị điện tử mình bán lên thành 40.000.000đ ra một tờ giấy, sau đó bị cáo Tr chép lại nội dung vào quyển sổ tay của bị cáo B và bị cáo ký tên xác nhận vào quyển sổ tay đó. Bị cáo không được bất kỳ lợi ích gì từ việc kê nâng giá các thiết bị điện tử mình bán mà chỉ được bị cáo Nguyễn Văn B thanh toán số tiền 25.000.000đ theo giá trị thực tế đã thỏa thuận trước đó. Trình bày lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm mà mình đã gây ra.

Đại diện bị hại, ông Nguyễn Văn Q1 trình bày: Ông được người dân thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang bầu giữ chức vụ Trưởng thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang) nhiệm kỳ 2024 – 2026. Vào thời điểm năm 2019, bị cáo Nguyễn Văn B giữ chức vụ Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn; các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q giữ chức vụ Phó thôn kiêm công an viên thôn C đã có hành vi nhờ bị cáo Nguyễn Văn T kê nâng giá các thiết bị điện tử mà các bị cáo B, Tr mua của bị cáo T để trang bị cho hoạt động của nhà văn hóa thôn C chiếm đoạt 15.000.000đ tiền quỹ hoạt động chung của thôn C chia nhau chi tiêu cá nhân. Nguồn gốc số tiền các bị cáo chiếm đoạt là tiền khoán bảo vệ rừng do UBND xã G chi trả cho các hộ gia đình tại thôn C tham gia ký hợp đồng tuần tra, bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ – CP, ngày 09/9/2015 của Chính phủ do bị cáo Bộ đại diện nhận, sau khi đã chi trả một phần cho các hộ gia đình trực tiếp nhận khoán bảo vệ rừng, số còn lại nhân dân trong thôn nhất trí đưa vào quỹ của thôn để phục vụ cho các hoạt động chung của thôn và giao cho bị cáo Nguyễn Văn B lúc đó là Trưởng thôn quản lý. Với tư cách là người đại diện cho cộng đồng dân cư thôn C ông yêu

cầu các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q là những người trực tiếp chiếm đoạt phải liên đới trả lại toàn bộ số tiền 15.000.000đ cho quỹ thôn để phục vụ các hoạt động chung của thôn. Đại diện cho cộng đồng dân cư thôn C, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 353. Các điểm b, s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B; áp dụng khoản 1 Điều 353. Các điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q; áp dụng khoản 1 Điều 353. Các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, Trợ giúp viên còn đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho cộng đồng dân cư thôn C 01 quyển sổ, bìa màu đen, bên ngoài sổ có in chữ "Century" thu giữ của Nguyễn Văn B để phục vụ cho việc theo dõi các hoạt động chung của thôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo. Ngoài lời khai nhận của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ, các Kết luận giám định và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, do đó có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 31/01/2019, tại thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang) Nguyễn Văn B lợi dụng chức vụ Trưởng thôn C được giao quản lý tiền quỹ của thôn C thống nhất với Mã Văn Tr và Nguyễn Văn Q cùng giữ chức vụ Phó thôn kiêm Công an viên thôn C lợi dụng việc mua các thiết bị điện tử phục vụ cho nhà văn hoá thôn C đã nhờ Nguyễn Văn T giúp sức kê khống giá thiết bị điện tử phục vụ cho nhà văn hoá thôn từ 25.000.000đ lên 40.000.000đ để chiếm đoạt số tiền 15.000.000đ tiền quỹ thôn do Nguyễn Văn B quản lý. Sau đó chia nhau Bộ, Trường và Quang mỗi người 5.000.000đ sử dụng chi tiêu cá nhân.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Lợi dụng chức vụ là Trưởng thôn, được giao quản lý tiền quỹ của thôn C, bị cáo Nguyễn Văn B đã bàn bạc, thống nhất với các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q cùng giữ chức vụ Phó thôn kiêm Công an viên thôn C nhờ bị

cáo Nguyễn Văn T giúp sức kê khống giá thiết bị điện tử mua của bị cáo Tương để phục vụ cho hoạt đồng nhà văn hóa thôn từ 25.000.000đ lên 40.000.000đ để chiếm đoạt số tiền 15.000.000đ quỹ thôn do bị cáo Nguyễn Văn B quản lý. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội "*Tham ô tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T mặc dù không được hưởng lợi ích gì từ việc kê khống giá bán thiết bị điện tử nhưng đã giúp sức cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q chiếm đoạt tiền quỹ của thôn C nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "*Tham ô tài sản*" với vai trò đồng phạm giúp sức. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, tác động đến tài sản mà người phạm tội có trách nhiệm quản lý một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo biết việc làm của mình là trái pháp luật, song vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục đối với từng bị cáo, đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Hội đồng xét xử xét thấy vị trí, vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn B giữ chức vụ Trưởng thôn C là người được giao trực tiếp quản lý tiền quỹ của thôn C, lợi dụng việc mua các thiết bị điện tử phục vụ cho nhà văn hóa thôn đã khởi xướng, bàn bạc với các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q nhờ bị cáo Nguyễn Văn T kê khống giá mua các thiết bị điện tử phục vụ cho nhà văn hóa thôn để chiếm đoạt số tiền do mình trực tiếp quản lý. Sau đó, bị cáo chủ động đứng ra chia số tiền chiếm đoạt được cho các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q để cùng nhau chi tiêu cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo có vai trò tích cực nhất trong vụ án nên phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q cùng giữ chức vụ là Phó thôn kiêm Công an viên thôn C có trách nhiệm giúp việc cho Trưởng thôn trong quá trình thực hiện các hoạt động chung của thôn, trong đó có việc quản lý, sử dụng quỹ của thôn phục vụ cho các hoạt động chung. Mặc dù nhận thức được việc kê khống giá thiết bị điện tử để chiếm đoạt tiền quỹ của thôn là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi nên khi được bị cáo Nguyễn Văn B rủ rê các bị cáo đã đồng ý cùng bị cáo Bộ thực hiện hành vi phạm tội và nhận tiền bị cáo Bộ chia cho từ việc nâng khống giá mua thiết bị điện tử để chiếm đoạt tiền quỹ của thôn. Hội đồng xét xử đánh giá mức độ phạm tội của bị cáo Mã Văn Tr ngang bằng với mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q nên buộc hai bị cáo phải chịu mức hình phạt ngang bằng nhau, thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn B và cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người đó đầy đủ năng lực hành vi, mặc dù không bị đe dọa hay được hưởng lợi gì nhưng khi được các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã

Văn Tr, Nguyễn Văn Q nhờ kê khống giá bán các thiết bị điện tử mà mình bán cho bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr để phục vụ cho hoạt động của nhà văn hóa thôn C bị cáo vẫn thực hiện, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "*Tham ô tài sản*" với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy vai trò phạm tội của bị cáo là thấp nhất nên xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất là phù hợp.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đã tự nguyện nộp lại số tiền mình chiếm đoạt để bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo Nguyễn Văn B trong quá trình làm Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn C lập thành tích xuất sắc, được Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen, ngoài ra còn được Đảng bộ, UBND xã G tặng nhiều Giấy khen; các bị cáo Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q trong quá trình công tác cũng đạt được nhiều thành tích, được tặng nhiều Giấy khen; bị cáo Nguyễn Văn T có bố đẻ tham gia hoạt động cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bản thân các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức pháp luật còn bị hạn chế. Tại phiên tòa, đại diện bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, tập thể nhân dân thôn Nặm Cặm cũng có Đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để quyết định mức án đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Các bị cáo phạm tội một phần do hạn chế về nhận thức, sau khi phạm tội đã chủ động giao nộp số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhiều đóng góp, cống hiến cho công tác tại địa phương, được nhiều cấp có thẩm quyền khen thưởng, được cộng đồng dân cư thôn C ghi nhận và có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo đối với xã hội giảm đáng kể, tội phạm các bị cáo được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Văn T mặc dù sau khi phạm tội lại tiếp tục bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Ngoài ra, bị cáo chỉ phạm tội giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú

giám sát, giáo dục như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang và Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa cũng có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung; đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đang bị tạm giam bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên cần tuyên trả tự do cho các bị cáo này ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội nên cần cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ, quyền hạn có thời hạn để ngăn ngừa các bị cáo tiếp tục phạm tội.

Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T đều làm ruộng, là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Nguyễn Văn T không được hưởng bất kỳ lợi ích vật chất gì từ hành vi phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 cuốn sổ bìa màu đen, bên ngoài sổ có in chữ “Century” bên trong có ghi nội dung biên nhận tiền ngày 31/01/2019 giữa các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vật chứng chứng minh tội phạm nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, cơ quan Điều tra còn thu giữ của các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo 5.000.000đ, tổng cộng là 15.000.000đ. Đây là tiền các bị cáo B, Tr, Q giao nộp để trả lại cho quỹ thôn C số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả nên cần tuyên trả lại cho thôn C để đưa vào quỹ phục vụ cho hoạt động chung của cộng đồng dân cư thôn C.

[6] Về phần dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q là người trực tiếp chiếm đoạt số tiền 15.000.000đ phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đã giao nộp cho cơ quan Điều tra số tiền 15.000.000đ. Tại phiên tòa, đại diện bị hại tiếp tục yêu cầu các bị cáo B, Tr, Q phải bồi hoàn số tiền chiếm đoạt là 15.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu các bị cáo trên phải bồi thường gì thêm. Các bị cáo B, Tr, Q đã giao nộp đủ cho cơ quan điều tra số tiền 15.000.000đ như đại diện bị hại yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn

Văn Q đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng được miễn do đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo, đại diện bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Văn H sinh năm 1984, trú tại thôn C giữ chức vụ Trưởng thôn C từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 4 năm 2022 và anh Bàn Càn Ph sinh năm 1995, trú tại thôn C giữ chức vụ Trưởng thôn C từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 11 năm 2024 được giao quản lý tiền quỹ của thôn đã quản lý thu chi tiền quỹ thôn đúng thực tế, đúng mục đích nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T phạm tội: "*Tham ô tài sản*".

1. *Về hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (*Hai*) năm 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (*Năm*) Năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2025).

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mã Văn Tr 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (*Năm*) Năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2025).

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (*Năm*) Năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2025).

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (*Hai*) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 04 (*Bốn*) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2025).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q cho UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã Y, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T đảm nhiệm chức vụ, quyền hạn nhất định trong thời hạn 03 (*Ba*) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. *Về dân sự:* Áp dụng 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q có trách nhiệm liên đới bồi thường cho cộng đồng dân cư thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1054090.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang tại Kho bạc nhà nước khu vực VIII – Phòng Nghiệp vụ 2 (*theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 17/9/2025*). Số tiền bồi thường cho cộng đồng dân cư thôn C do ông Nguyễn Văn Q1 là Trưởng thôn đại diện nhận.

4. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 cuốn sổ bìa màu đen, bên ngoài sổ có in chữ "Century" (hiện đang lưu kèm hồ sơ vụ án) tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 25/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang và bị cáo Nguyễn Văn B.

5. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Áp dụng các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Mã Văn Tr, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T.

- Các bị cáo và đại diện bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam số 1 – CA tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San

- Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã N;
- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Y;
- UBND xã N;
- UBND xã Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Lưu HSVA, HSTHAHS.